CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Chứng khoán Rồng Việt

Ngày 31/12/2025	16,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.6%	**-**	**13.0%**

DT thuần
Q4/25
168
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 105| 165%
YoY: ▲ 128| 321%

LN thuần
Q4/25
3.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.38| 78.7%
YoY: ▲ 1.29| 70.0%

LN sau thuế
Q4/25
35.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 80.5| 178%
YoY: ▼1.60| -4.3%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
359%
YoY: +/-▼ 52.8%

ROE
2025

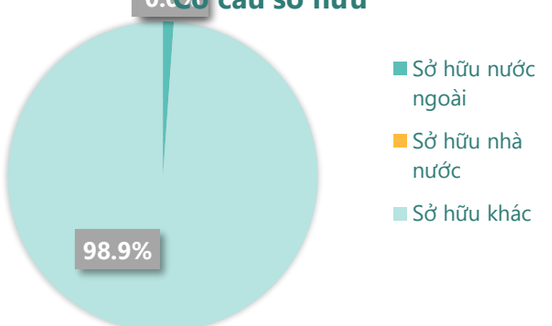
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,045 - 25,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,597
Số lượng CPLH (CP)	272,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,420,755
Sở hữu nước ngoài	1.1%
Beta	1.31
EPS	1,041
P/E	16.2

DT thuần
2025
293
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 52.0| 21.2%

LN thuần
2025
9.42
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.46| 35.2%

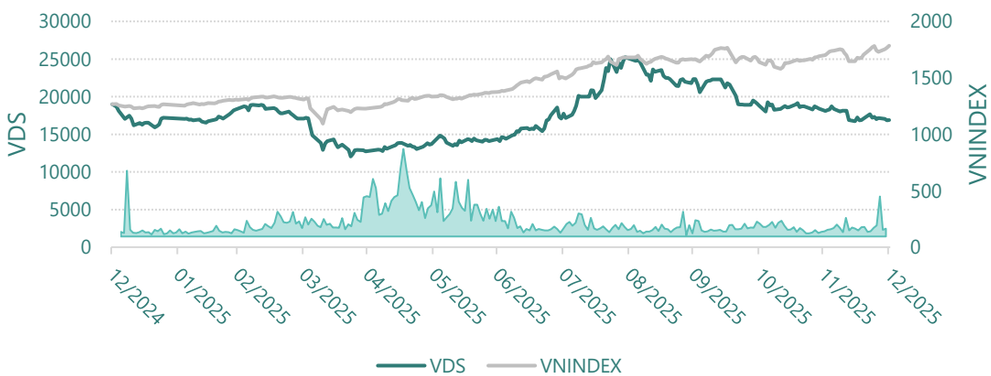
LN sau thuế
2025
29.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.9| -28.9%

Cơ cấu sở hữu

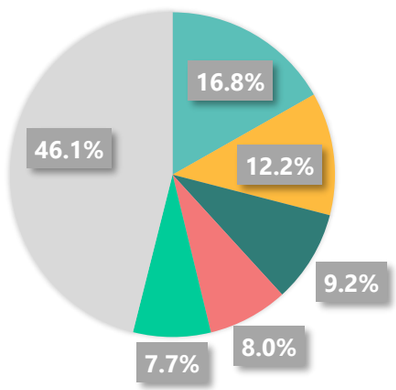


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



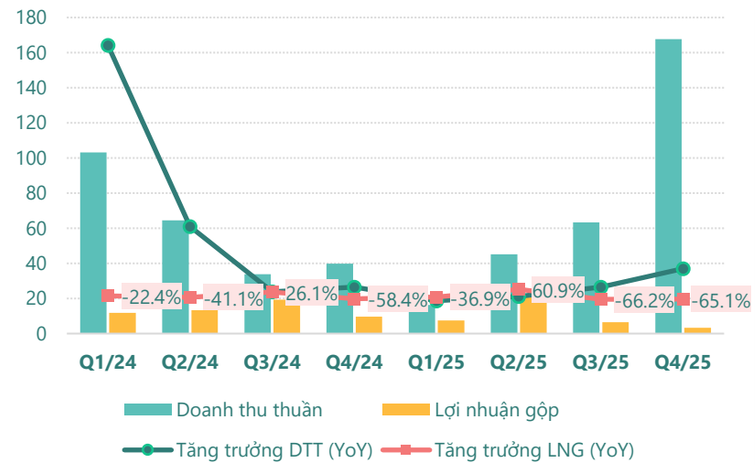
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

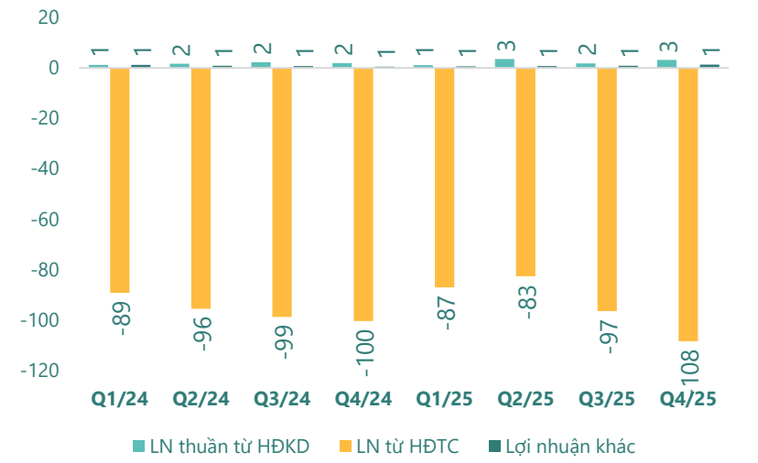
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



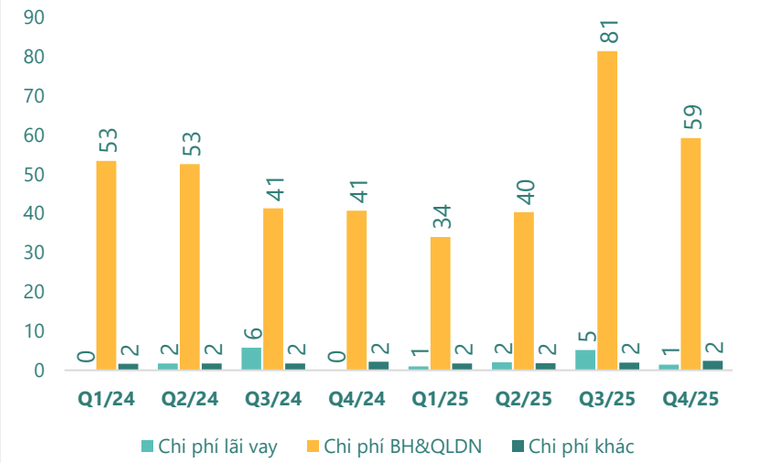
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



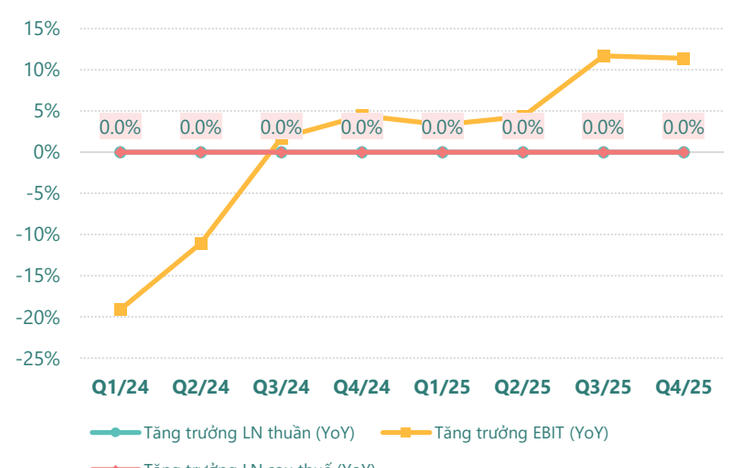
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



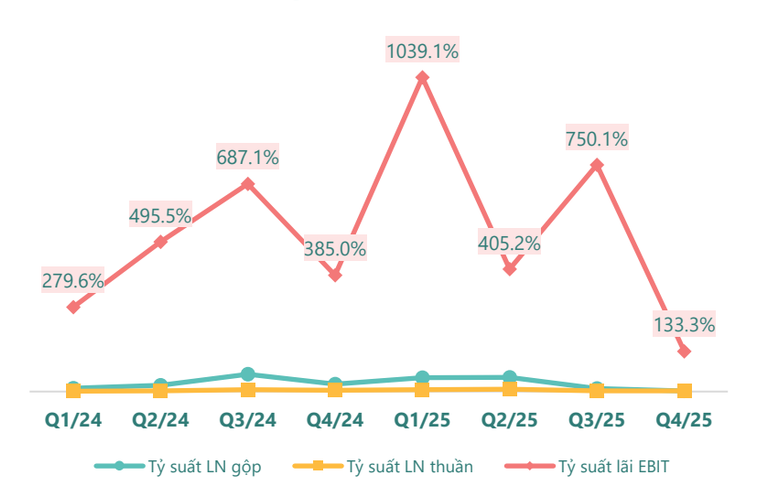
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



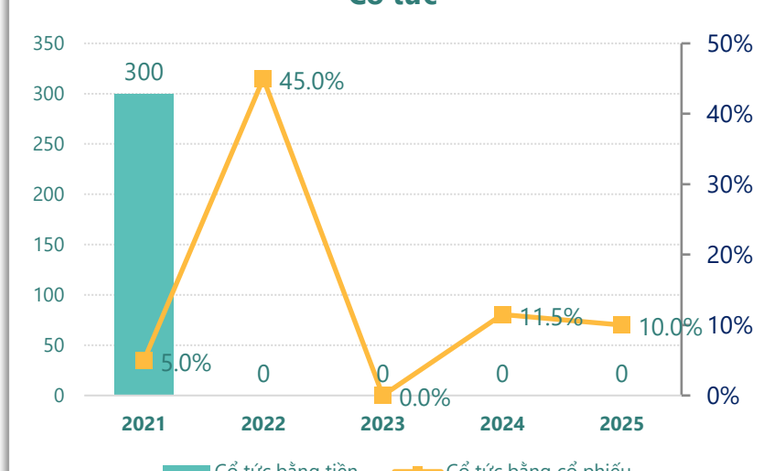
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



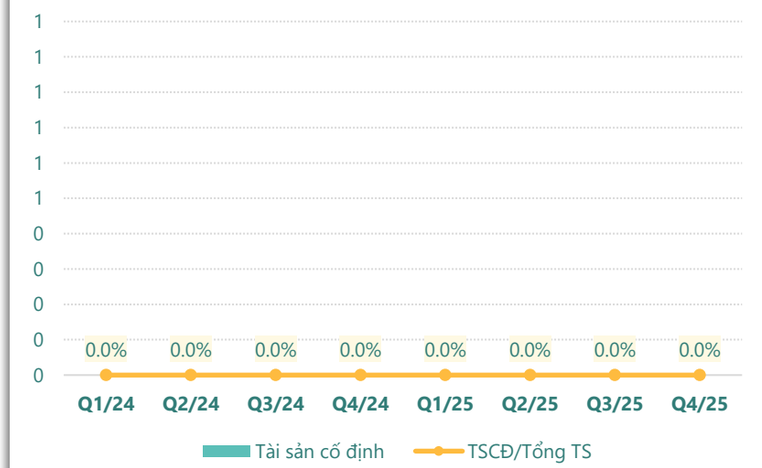
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



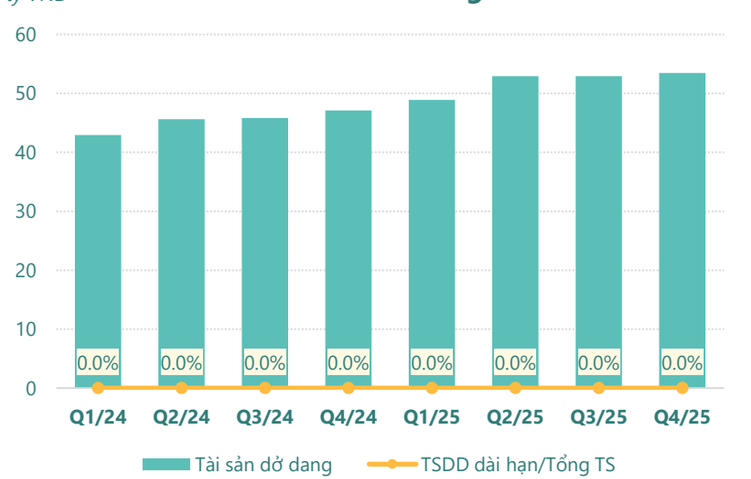
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



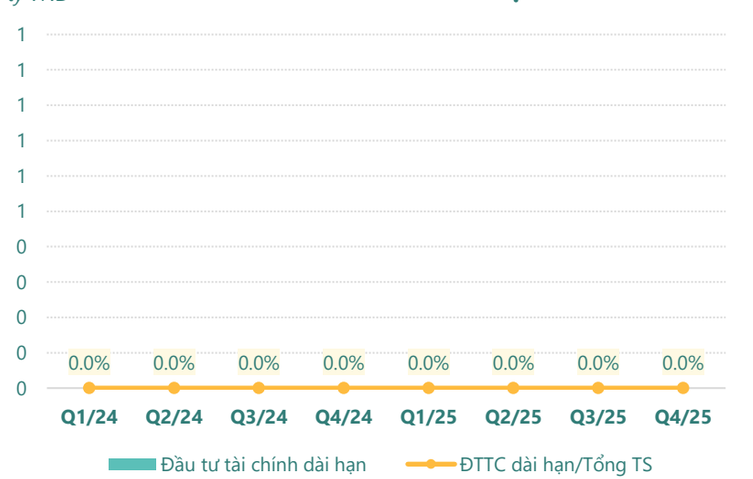
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



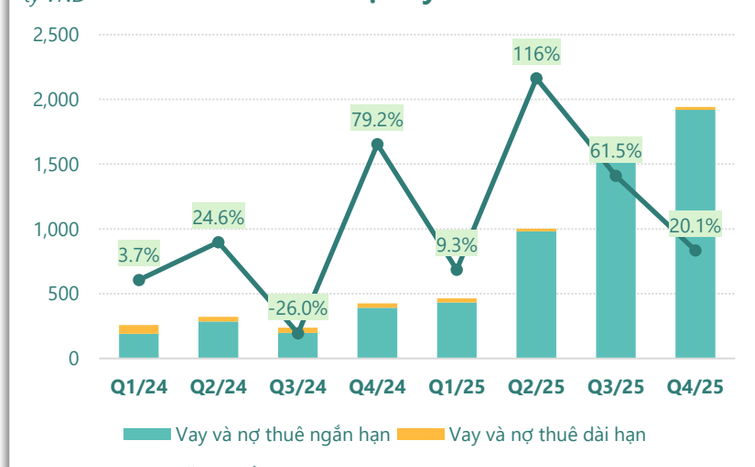
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

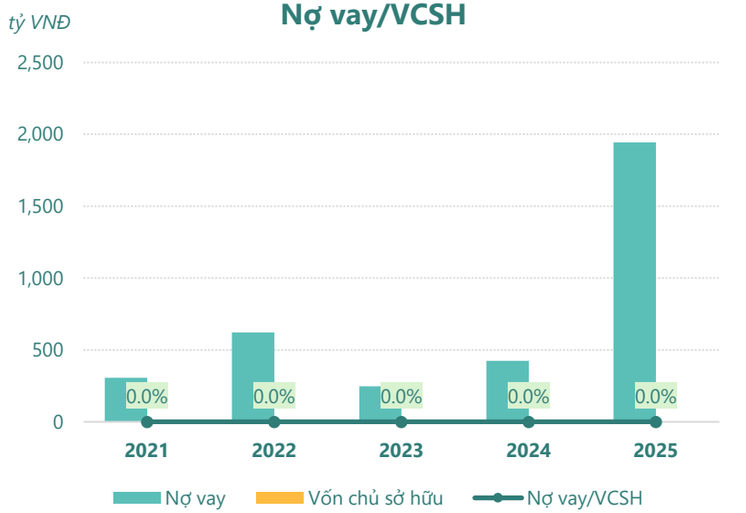
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

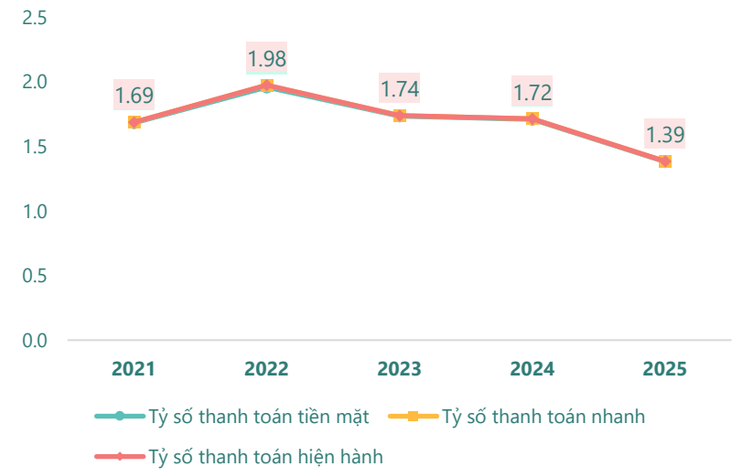
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



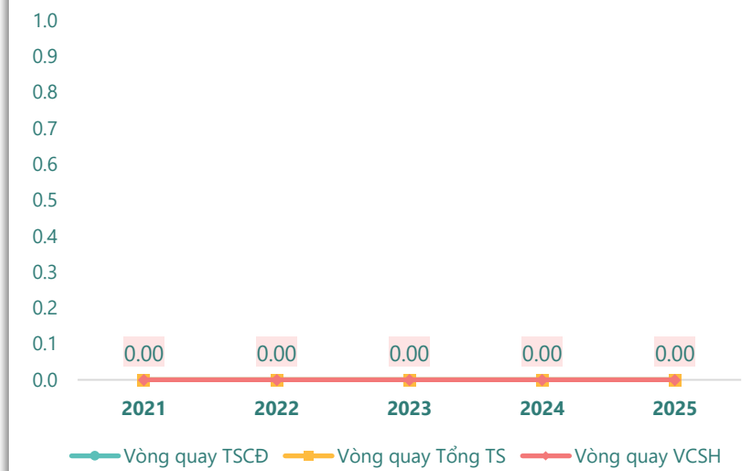
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



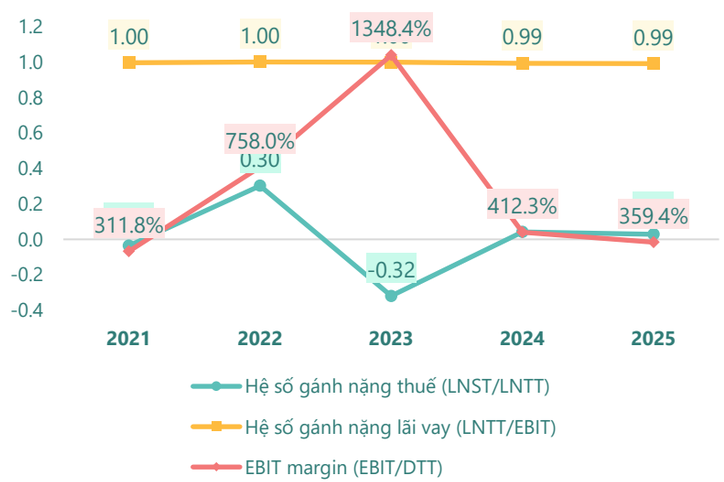
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



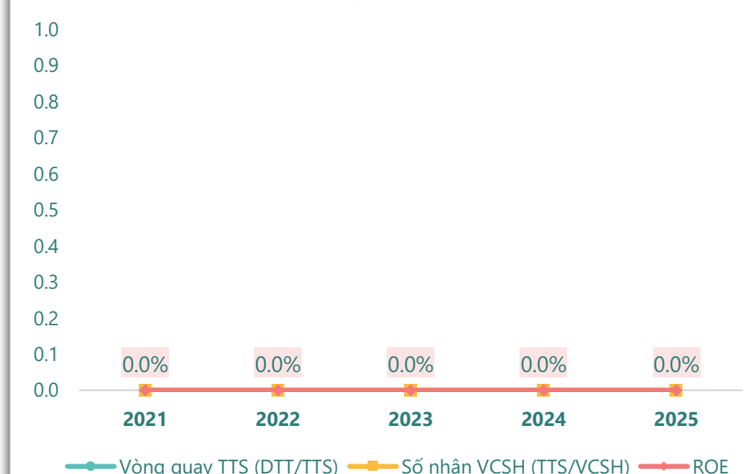
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



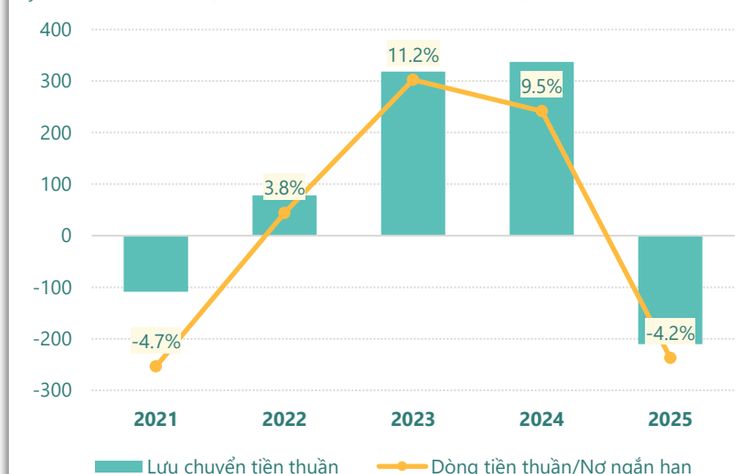
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**168**	**39.8**	**321%**	**293**	**241**	**21.2%**
Giá vốn hàng bán	-148	-46.3	-220%	12.5	84.1	-85.2%
Lợi nhuận gộp	3.39	9.70	-65.1%	38.8	55.2	-29.8%
Doanh thu HĐTC	11.5	2.21	420%	39.0	4.77	716%
Chi phí TC	120	103	16.4%	414	389	6.4%
Chi phí lãi vay	1.46	0.00		9.61	7.53	27.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	59.3	40.7	45.6%	215	188	14.4%
Chi phí QLDN	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN thuần từ HĐKD	3.13	1.84	70.0%	9.42	6.96	35.2%
Lợi nhuận khác	**1.27**	**0.54**	**134%**	**3.47**	**3.25**	**6.8%**
LN trước thuế	222	153	45.1%	1,042	987	5.5%
Lợi nhuận sau thuế	**35.2**	**36.8**	**-4.3%**	**29.1**	**41.0**	**-28.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-363	401	-553	977	-1,214	-59.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	54.2	-3.79	78.0	-844	-98.9	40.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	105	346	-68.2	493	612	428
Tiền đầu kỳ	668	464	1,207	664	1,289	588
Lưu chuyển tiền thuần	**-204**	**743**	**-543**	**626**	**-701**	**409**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	464	1,207	664	1,289	588	997

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	6,926	6,096	13.6%
Tiền và tương đương tiền	6,911	6,081	13.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	575	-73.9%
Phải thu ngắn hạn	496	530	-6.4%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**12.7**	**11.9**	**6.5%**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.5	47.1	13.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**5.77**	**5.70**	**1.2%**
Lợi thế thương mại	10.0	13.2	-24.5%
Nợ phải trả	5,022	3,587	40.0%
Nợ ngắn hạn	**4,998**	**3,554**	**40.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,919	392	390%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	33.0	-27.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)